TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 4 - 2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quýnh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Mai Tường Vi
***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa*:** Ông Lã Hải Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2021/ TLST – HNGĐ ngày 14/01/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 3/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: xxxx; ĐKHKTT tại: Tổ **B**, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm: 1984; ĐKHKTT tại: Tổ **B**, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2021, lời tự khai và đơn xin xử án vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đều trình bày: Chị và anh Đỗ Văn T kết hôn vào năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm, sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại nhà chồng ở tổ 4, khu 3, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của vợ chồng chị sau kết hôn chỉ hạnh phúc một năm đầu đến năm 2016 thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách của vợ chồng chị không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới và xúc phạm nhau, tình trạng này kéo dài nên chị thấy mệt mỏi, chán nản chị không muốn tiếp tục chung sống với anh T. Mâu thuẫn vợ chồng chị ngày càng căng thẳng hơn

vì kinh tế gặp nhiều khó khăn, anh T không lo lắng cho gia đình nên chị phải đi làm xa nhà để có tiền lo cho con nhưng anh T không thông cảm mà còn có thái độ không tôn trọng chị. Chị thấy anh T không đem lại hạnh phúc cho gia đình từ năm 2016 chị đưa con về nhà ngoại ở nhờ, anh T thỉnh thoảng cũng đến để hỏi thăm con và bàn bạc khắc phục mâu thuẫn nhưng khi nói chuyện chỉ được vài câu vợ chồng lại tiếp tục cãi nhau. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng cũng không đạt kết quả, anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Đến nay tình cảm của chị dành cho anh T không còn nên chị vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh Đỗ Văn T có 01 con chung là Đỗ Khánh L, sinh ngày 03/11/2016, quá trình sống ly thân con chung đã ở cùng với chị, con chung lại còn nhỏ và là con gái nên khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị được nuôi dưỡng. Hiện nay chị làm lao động tự do, thu nhập bình quân là 10 triệu đồng/tháng, đảm bảo được các điều kiện nuôi con chung nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, anh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ chung: Chị và anh T không có tài sản và công nợ chung.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – anh Đỗ Văn T nhiều lần nhưng anh T cố tình vắng mặt do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh T, anh T không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2021 của ông Đỗ Văn C (là bố đẻ của anh Đỗ Văn T), ông C cho biết: Anh T và chị T kết hôn từ năm 2015, sau đó về chung sống với gia đình ông tại tổ B, khu B, phường Cẩm T, thành phố C. Anh T và chị T chung sống một thời gian thì có mâu thuẫn, ông không biết rõ nguyên nhân cụ thể nhưng từ năm 2019 chị T đã sống ly thân, về gia đình nhà ngoại ở mà chung sống với anh T nữa, mỗi khi nhà ông có việc chị T cũng không đến để lo cho gia đình chồng. Ông đã phân tích cho cả hai con nhưng cũng không khắc phục được mâu thuẫn. Ông cũng nhận được các giấy triệu tập của Tòa án thành phố C gửi cho anh T và đã giao lại nhưng anh T phải đi làm nên không đến Tòa được. Đến nay chị T kiên quyết xin ly hôn anh T ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, chị T được ly hôn với anh T; Chị T được quyền chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con chung Đỗ Khánh L, anh T không phải cấp dưỡng cho con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu xin ly hôn với anh Đỗ Văn T hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Đỗ Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố C đã tống đạt hợp lệ cho anh T nhưng anh T cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa; chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn có đơn xin xử án vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C vào năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn anh chị về sống cùng gia đình nhà chồng ở tổ B, khu B, phường Cẩm T, thành phố C. Cuộc sống chung của anh chị chỉ hạnh phúc được 01 năm đầu đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do tính cách anh chị không hợp nhau, kinh tế vợ chồng khó khăn, anh T không lo cho gia đình, chị T phải đi làm ăn xa để có tiền lo cho con thì anh T không thông cảm mà còn có thái độ không tôn trọng chị khiến chị T cảm thấy chán nản, anh T không đem lại hạnh phúc cho chị T. Do vậy, từ năm 2016 chị T đã đưa con về gia đình nhà ngoại ở, anh T có đến thăm con và bàn bạc hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn không khắc phục được. Bản thân anh T khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh T cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên chị T xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của chị T và anh T cũng phù hợp với lời khai của bố đẻ anh T và cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T có 01 con chung là Đỗ Khánh Linh, sinh ngày 03/11/2016. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T đều có quan điểm muốn nuôi dưỡng con chung, anh T không chấp hành pháp luật, không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị T là chính đáng, chị T là lao động tự do nhưng cũng có thu nhập đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao con Đỗ Khánh L cho chị T trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với khả năng nuôi dưỡng con chung của chị T, cũng như đảm bảo được các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống cho con chung của anh chị. Tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản và công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56**,** 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T với anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Khánh Linh, sinh ngày 03/11/2016 cho chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp ngày xx/x/xxxx theo biên lai số: 000xxxx tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho biết: các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh